

## **PHÁT HUY HƠN NỮA KHOA HỌC XÃ HỘI Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VÀ VÙNG NAM BỘ**

**Nguyễn Công Bình**

Viện Khoa Học Xã Hội Thành Phố Hồ Chí Minh

( Bài nhận ngày 19/09/1998)

**TÓM TẮT:** Nam bộ là vùng đất rất “phì nhiêu” cho khoa học xã hội nước ta. Trong quá trình phát triển xã hội, nó cần nhiều ngành khoa học xã hội và thực tế những năm qua rất nhiều ngành khoa học xã hội, phối hợp với nhiều ngành khoa học tự nhiên và kỹ thuật tập trung trí tuệ làm sáng tỏ.. Nam bộ với Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm, ngày nay đang có vai trò quan trọng trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hàng loạt hệ thống đề tài khoa học xã hội cơ bản và cấp thiết có thể triển khai nghiên cứu, đúc kết từ thực tiễn Nam bộ để xây dựng những luận cứ khoa học cho việc quy hoạch, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của vùng và của cả nước. Thực tiễn Nam bộ là môi trường đầy thuận lợi cho khoa học xã hội làm sáng tỏ những định hướng mà Nghị quyết Trung ương (Khóa 8) đề ra cho khoa học xã hội phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Sau Thủ đô Hà Nội thì Thành phố Hồ chí Minh là nơi có đông lực lượng khoa học xã hội. Sự hoạt động của giới khoa học xã hội ở đây là phong phú.

Tuy nhiên, khoa học xã hội ở TP. HCM và các tỉnh Nam bộ còn “mỏng” và phân tán. Nó chưa tương xứng với “độ phì nhiêu” của vùng đất này dành cho khoa học xã hội. Sự chỉ đạo cũng chưa tạo nhiều cơ hội cho các nhà khoa học xã hội vượt ra ngoài khuôn khổ “Hàn lâm viện” để đi vào và tổng kết thực tiễn rất phong phú của vùng để góp phần vào sự đổi mới toàn diện đất nước. Một số lĩnh vực nghiên cứu cơ bản và thiết yếu về khoa học xã hội còn chưa được triển khai đúng mức. Sự hụt hẫng trong đào tạo một đội ngũ chuyên gia khoa học xã hội là có thật. Chưa có một cơ chế để kết hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nghiên cứu và trường đại học về khoa học xã hội. Cũng chưa có quy chế để gắn các cơ quan chức năng của thành phố và các tỉnh với tổ chức khoa học xã hội khi xây dựng các chương trình, các dự án quan trọng về kinh tế – xã hội.

Trong số các biện pháp phát triển khoa học xã hội, tác giả nhấn mạnh tới vai trò quan trọng của Hội đồng khoa học xã hội TP. HCM – một tổ chức tập hợp giới khoa học xã hội gắn vào thực tiễn của vùng để đưa chất xám khoa học xã hội phục vụ cho Thành phố, của vùng, cùng cả nước.

### **I. NAM BỘ – VÙNG ĐẤT “PHÌ NHIÊU” CỦA KHOA HỌC XÃ HỘI NƯỚC TA.**

Nam bộ là vùng đất mới trong lịch sử lâu đời của đất nước ta, nhưng là vùng chứa đựng nhiều vấn đề cơ bản và thiết yếu đối với khoa học xã hội nước ta ngày nay.

Để làm sáng tỏ vấn đề này, trước hết tôi muốn nêu lên đặc điểm xuất phát của kinh tế - xã hội Nam bộ. Chỉ trong một thời gian rất ngắn, sau khi chúa Nguyễn đặt chính quyền ở Đồng Nai-Gia Định (1698), cộng đồng dân tộc Việt Nam đã thực hiện hai kỳ công vĩ đại.:

1. Biến một vùng đất mênh mông, hoang vắng, đầy rừng rậm, đầm lầy, dã thú thành một vùng nông nghiệp trù phú.

2. Đưa miền đất ấy – đất Nam bộ ngày nay thành bộ phận không thể tách rời của nước Việt Nam thống nhất từ mục Nam Quan đến mũi Cà Mau.

Vì sao công cuộc khai phá đất Nam bộ đạt hiệu quả rất nhanh và vững chắc đến kỳ lạ như vậy? Những người đi tiên phong và vùng đất mới là hiện thân của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Hành trang xuất phát của họ là lối sống cổ truyền của dân tộc : người tiểu nông làm nghề trồng lúa nước, gắn bó với làng và làng gắn với nước . Phải chăng lúc ấy để đạt được hai kỳ công vĩ đại nói trên, người Việt chỉ dịch chuyển lối sống cổ truyền từ các châu thổ phía Bắc để rồi tái hiện nguyên vẹn trên châu thổ phương Nam, hay chính là đã có một sự phát triển xã hội của cộng đồng dân tộc Việt Nam trong cuộc chinh phục vùng đất Nam bộ ?.

Động lực vốn có để phát triển thì có nhiều, nhưng có một động lực mới, một thành quả mới của cộng đồng dân tộc Việt Nam là ngay từ đầu đã hình thành một nền kinh tế hàng hóa trên vùng đất Nam bộ. Ở vùng này, chế độ sở hữu ruộng đất tư nhân – cái gốc của kinh tế hàng hóa – không phải sinh ra từ sự suy yếu của chế độ ruộng công, trái lại ruộng tư đã xuất hiện phổ biến ngay từ đầu và ngự trị qua hàng thế kỷ. Cho đến gần giữa thế kỷ XIX (1836) chế độ công điền công thổ mới xác lập và cũng chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ mà thôi.

Như vậy, làng xã ở Nam bộ, tuy cũng là làng xã tiểu nông, nhưng không thiết lập trên nền tảng ruộng công. Ở đây, làng không có một cơ cấu kinh tế khép kín, cũng không đòi hỏi tự mãn bằng một quy mô dân số nhất định của làng. Nó có hình thù đa dạng và thiết chế “mở”, vượt khỏi trạng thái tự trị, tự cấp, tự túc cổ truyền.

Người nông dân Nam bộ, cũng là người tiểu nông, cũng mang “tình nghĩa làng xóm”, nhưng cá nhân họ dựa trên quyền tự hữu ruộng đất, tự định đoạt sản xuất kinh doanh, tức là không bị ràng buộc chặt chẽ vào quan hệ “trong họ ngoài làng” ; cá nhân họ không bị hòa tan hay mất đi trong cộng đồng làng, trái lại mang tính năng động xã hội cao. Tính năng động xã hội của cá nhân không đối lập với cộng đồng, trái lại thúc đẩy tính năng động của cộng đồng.

Tính năng động xã hội của cộng đồng là phát triển nền nông nghiệp theo một hướng mới là sản xuất nông sản hàng hóa. Lê Quý Đôn viết trong phủ biên tạp lục (1776): “Từ khi có Gia Định, dân xứ ấy chưa từng lấy việc trữ thóc làm lợi”; nhận xét đó giúp ta hiểu : người nông dân Nam bộ không có tác phong “tích cốc phòng cơ” và để gia nhập thị trường họ phải huy động sức lực, vốn liếng, trí lực sản xuất cho nhiều, cho nhanh, cho rẻ cung ứng nông sản hàng hóa cho thị trường.

Sự phát triển kinh tế hàng hóa ở Nam bộ đưa tới việc hình thành một số đô thị. Đô thị vùng này không xuất phát từ một nông thôn mang đậm tàn dư công xã, mà xuất phát từ một nông thôn sản xuất nông sản thành hóa. Đô thị ra đời sớm, là nơi tập trung công thương nghiệp, là hải cảng thương cảng và có vai trò rất quan trọng thúc đẩy khẩn hoang,

sản xuất. Một cơ cấu nông công thương nghiệp của toàn vùng Gia Định cũng sớm hình thành với đô thị Sài Gòn là trung tâm.

Sự phát triển kinh tế hàng hóa kích thích mối giao thương quốc tế. Người Gia Định giao lưu với người Tàu, người Cao Miên, người Java, người Macao, người Pháp, người Anh. Trong sự giao lưu đó, một số khoa học kỹ thuật phương Tây được du nhập vào Gia Định.

Tóm lại, cộng đồng dân tộc Việt Nam đã phát huy nội lực của mình bằng việc phát triển xã hội trong việc phát triển nền kinh tế hàng hóa để chinh phục một thiên nhiên khó chinh phục và xây dựng cộng đồng xã hội Việt Nam ổn định, bền vững trên vùng đất mới Nam bộ.

Nông sản hàng hóa, hải cảng giao lưu với nước ngoài, chân dung của miền đất mới Nam bộ, sau hơn một thế kỷ chống chủ nghĩa tư bản thực dân Pháp, rồi Mỹ, ngày nay càng đậm nét hơn trong việc phục vụ cho sự giàu mạnh của đất nước.

Phác lại đặc điểm kinh tế - xã hội trong tiến trình phát triển xã hội ở Nam bộ, ta thấy rõ vai trò khoa học xã hội về vùng này.

1. Gọi là sự phát triển xã hội, tức sự biến chuyển đi lên trên mọi mặt đời sống xã hội, nó cần rất nhiều ngành khoa học xã hội làm sáng tỏ, và thực tế nhiều năm qua đã thu hút nhiều sức lực, trí tuệ của nhiều ngành khoa học xã hội. Khảo cổ học đã vén dần bức màn bí mật xưa kia, trả lời câu hỏi cách đây mấy ngàn năm, vào lúc nền văn minh trên lưu vực sông Hồng ngày càng được xây đắp vững chắc thì trên miền đất này, con người vẫn chỉ có thể đứng chân trên vùng đất cao ở miền Đông Nam bộ, chưa đặt chân xuống được vùng đất thấp – Đồng bằng sông Cửu Long. Và đến những thế kỷ đầu công nguyên, khi con người chiếm lĩnh Đồng bằng sông Cửu Long thì tại sao không bao lâu sau lại biến mất đi cả một cộng đồng xã hội cổ đại cùng với nền văn hóa Ốc eo rực rỡ của họ để rồi khắp nơi thay thế bằng đầm lầy, cây rừng, dã thú, để rồi tạo nên một sự “đứt quãng” đến một thiên niên kỷ giữa một nền văn minh thương nghiệp Ốc eo với nền văn minh lúa nước của người Việt từ sau thế kỷ XVII. Sử học đã phác thảo quá trình khai thác đất Nam bộ và đang chú ý làm sáng tỏ tính liên tục phát triển của vùng đất này từ đó đến nay trên đất nước Việt Nam thống nhất. Dân tộc học, đặc biệt chú ý hiện tượng người Việt sống chung với các dân tộc ít người (người Khơme, người Hoa, người Chăm và một số dân tộc người ở Đông Nam Bộ) trên cùng mảnh đất đồng bằng với những tôn giáo khác nhau (Phật giáo, Đại thừa, Phật giáo Tiểu thừa, Thiên chúa giáo, Hồi giáo...) mà không để xảy ra cảnh phân ly, trái lại, cùng hội nhập để trở thành một cộng đồng xã hội ổn định, bền vững. Kinh tế học đã bước đầu chú ý đến nét đặc thù trên vùng đất này trong chế độ sở hữu ruộng đất, trong cách thức sản xuất kinh doanh và sự thông thương trong nước, ngoài nước. Ngôn ngữ, văn học chẳng những cho biết đời sống văn hóa tinh thần, chẳng hạn một kho tàng phương ngữ Nam bộ, một nền văn học dân gian mang đầy sắc thái Nam bộ mà vẫn là tính cách, tâm hồn, tiếng nói Việt Nam, hơn nữa, còn cho biết cái làm, cái ăn, cái ở, nghĩa là đời sống văn hóa vật chất và qua đó làm sáng tỏ nội dung một vùng văn hóa mới Việt Nam ở Nam bộ. Triết học – lĩnh vực khoa học khái quát cao, nhưng cũng đã đề cập đến

tính cách, tâm hồn người Nam bộ và đang làm rõ vấn đề vì sao ở Nam bộ những tàn dư của một “phương thức sản xuất Châu Á” ít đậm nét hơn. Nghiên cứu sự phát triển xã hội ở Nam bộ không thể không nói tới sự kết hợp bước đầu trong những năm qua giữa khoa học xã hội với khoa học tự nhiên và kỹ thuật, nhất là những ngành địa chất học, khí tượng, thủy văn, địa lý, nông học để nhận thức ngày một rõ hơn về môi trường sống của cư dân Nam bộ, trên một vùng đất “đông” và cũng rất đa dạng về sinh thái do cuộc tranh chấp giữa sông và biển – con sông Mêkong lớn nhất Đông Nam Á và biển cả bao quanh cả ba mặt Đông, Nam, Tây nam với những cơ chế truyền triều cực kỳ phức tạp.

2. Nói phát triển xã hội ở Nam bộ không phải chỉ để “nhớ về quá khứ”, mà nó vừa quá khứ, vừa hiện tại, vừa lịch sử vừa thời sự. Dân tộc ta kiến tạo miền đất mới Nam bộ, như trên nói, đã vượt lên trên điểm xuất phát của chính mình, đã cách tân truyền thống của mình để phát triển cộng đồng dân tộc, xây đắp một nước Việt Nam thống nhất về lãnh thổ và tạo ra khả năng cho dân tộc Việt Nam ứng phó với những thách thức mà thời đại đặt ra. Từ trong sự phát triển xã hội đó đã thấy tính liên tục lịch sử, tính hiện đại của sự phát triển. Chẳng hạn, thế kỷ XVIII từng nói Đồng Nai là vựa lúa của cả xứ Đàng trong, thì nay Đồng Bằng sông Cửu Long đã trở thành vựa lúa của cả nước, sản xuất 50% tổng sản lượng lương thực toàn quốc, mỗi năm xuất khỏi vùng 7-8 triệu tấn lúa hàng hóa và chiếm hơn 3 triệu tấn gạo xuất khẩu của Việt Nam. Trước kia, Gia Định thành thống chí (1820) từng đánh giá Sài Gòn là nơi đại đô hội “cả nước không đâu sánh bằng” thì nay Thành phố Hồ Chí Minh vẫn là một thành phố lớn nhất nước, sản xuất 30% tổng giá trị công nghiệp cả nước và là trung tâm của cả vùng trọng điểm kinh tế phía Nam. Trước kia Trịnh Hoài Đức từng miêu tả Gia Định là nơi giao thương với nhiều người từ nhiều nước Châu Á, Châu Âu (Gia định thành thống chí) thì nay, Nam bộ cùng cả nước, sau hơn một thế kỷ đối đầu và đánh bại các chế độ tư bản thực dân phương Tây, lại tích cực gia nhập vào quá trình toàn cầu hóa, để Việt Nam làm bạn với tất cả các nước, trong đó có những nước đã từng đứng bên kia chiến tuyến với Việt Nam. Quá trình phát triển xã hội ở Nam bộ là một thực tiễn lớn cho các ngành khoa học xã hội nghiên cứu phục vụ đường lối hiện nay của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nghị quyết Trung ương 2 (khóa 8) đã nêu nhiều định hướng cho khoa học xã hội và khoa học xã hội khi nghiên cứu về Nam bộ cũng tìm thấy nhiều điều cơ bản và thiết thực trả lời định hướng của Nghị quyết này.

Nghị quyết Trung ương 2 đề ra việc nghiên cứu những kinh nghiệm của cuộc chiến tranh cứu nước trong lịch sử Việt Nam. Nam bộ đã liên tục trên một thế kỷ chống Pháp, chống Mỹ. Trong sự nghiệp cứu nước, vai trò của người dân thường, những người “ngoài cật có một manh áo vải, trong tay cầm ngọn tầm vông”, nhưng quyết tử với kẻ thù “tuy cây có tàu đồng ống khói, tuy là nhiều súng thép đạn chì” vào lúc triều đình Huế do dự, đầu hàng. Chính tính chất nhân dân ấy là cơ sở cho tính liên tục của lịch sử chống chủ nghĩa thực dân, là chỗ dựa của nhiều trào lưu yêu nước, là tiền đề cho đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của Đảng, là nhân tố của chiến tranh nhân dân và linh hồn của nghệ thuật chiến tranh cứu nước “hai chân, ba mũi, ba vùng”. Vai trò nhân dân

trong dựng nước và giữ nước đang được nghiên cứu sâu và vận dụng trên mọi lĩnh vực như một động lực và mục tiêu phát triển hiện nay.

Nghị quyết Trung ương 2 đề ra nghiên cứu những vấn đề dân tộc, tôn giáo. Trên đất Nam bộ nổi lên một đặc trưng là có nhiều dân tộc ít người với những tôn giáo khác nhau sống với người Việt ở cả vùng nông thôn và đô thị. Trong số các dân tộc ít người đó, có người Khơme, người Hoa, người Chăm là những tộc người có gốc gác từ những nền văn hóa rất lâu đời và đang có quan hệ về văn hóa tộc người và tôn giáo với nhiều quốc gia lân cận với Việt Nam hiện nay. Nghiên cứu các quan hệ dân tộc ở Nam bộ vừa lý giải truyền thống đoàn kết các cộng đồng dân tộc Việt Nam vừa góp phần vào việc hoạch định các chính sách dân tộc trong phát triển kinh tế xã hội vùng này trong khung cảnh giao lưu quốc tế ngày càng rộng.

Nghị quyết Trung ương 2 đề ra việc làm rõ bản chất con đường phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nam bộ qua hàng thế kỷ qua là một vùng kinh tế hàng hóa phát triển với nhiều thành phần rõ rệt, ngoài người tiểu nông, tiểu thương, tiểu chủ còn có người tư sản và cả đại địa chủ nữa cũng gia nhập vào thị trường, hoạt động theo cơ chế thị trường. Nhưng trước kia, tất cả đều bị chi phối bởi chủ nghĩa tư bản thực dân. Và để ngăn chặn con đường phát triển theo chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ chủ trương tạo ra những yếu tố thuận lợi cho chủ nghĩa tư bản miền Nam phát triển (viện trợ kinh tế, viện trợ kỹ thuật, làm cải cách điền địa, tư sản hóa đại địa chủ, nhập máy móc nông nghiệp, lập tín dụng nông nghiệp...). Mặc dù vậy, miền Nam đã đánh Mỹ tới cùng, và cuộc đánh bại chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ cũng có nghĩa là dân tộc Việt Nam không chấp nhận con đường phát triển chủ nghĩa tư bản do Mỹ vạch ra và chi phối. Quá trình đó tạo điều kiện thuận lợi cho khoa học xã hội vạch ra bản chất của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần trên vùng đất Nam bộ ngày nay đi theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tầng lớp doanh nhân, đội ngũ công nhân, sự phân hóa phân tầng xã hội, những hình thức hợp tác mới, chủ nghĩa tư bản nhà nước.....là những vấn đề khoa học xã hội ở đây đang quan tâm nghiên cứu để phục vụ định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nghị quyết Trung ương 2 đề ra cho khoa học xã hội làm rõ mục tiêu, biện pháp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nam bộ là một vùng rõ rệt nhất ở nước ta từ lâu đã có một cơ cấu kinh tế nông công thương nghiệp vùng, trong đó đồng bằng sông Cửu Long chuyên canh lúa, Đông Nam bộ chuyên canh cây công nghiệp, Sài Gòn trung tâm công thương nghiệp chuyên xuất khẩu nông sản và làm công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm. Từ vùng chuyên canh lúa, Đồng bằng sông Cửu Long đã trở thành vùng lương thực lớn nhất nước, nhưng mặt khác lại là một vùng thuần nông, độc canh cây lúa. Với sự bùng nổ dân số từ lâu, đã đưa đồng bằng sông Cửu Long tới tình trạng mật độ đô thị hóa thấp hơn mức trung bình cả nước, mật độ dân số tăng rất nhanh, số người thất nghiệp, không còn đất, đi làm thuê nhiều hơn hẳn các vùng khác, số người thất học, mù chữ cao hơn mức trung bình cả nước; tóm lại sự tăng trưởng kinh tế không đi song hành với tiến bộ xã hội. Những khó khăn từ nông thôn đã tác động tiêu cực đến phát triển đô thị. Nông thôn thuần nông không

thể tự giải quyết được nạn thất nghiệp, nghèo khó của mình, trong khi ở đô thị số người không việc làm cũng có chiều hướng dôi ra hàng năm. Thực tiễn sống động ở Nam bộ nói lên nhu cầu cần thiết công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn, nông nghiệp trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa cả nước để đi lên chủ nghĩa xã hội. Những vấn đề về thay đổi cơ cấu kinh tế ở nông thôn và cả cơ cấu công nghiệp đô thị, về đô thị hóa, về phát triển vốn, khoa học kỹ thuật và nguồn nhân lực có kỹ thuật, về dân số và môi trường là những vấn đề cơ bản và cấp bách mà khoa học xã hội phải nghiên cứu phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Dẫn ra một số định hướng từ Nghị quyết Trung ương 2, chúng tôi chỉ muốn nêu lên một ý tưởng của mình : Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Nam bộ là địa bàn hết sức phong phú, là môi trường hết sức thuận lợi cho khoa học xã hội phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3. Khoa học xã hội nghiên cứu Thành phố Hồ Chí Minh và vùng đất Nam bộ là thiết thực góp phần phát triển khoa học xã hội cả nước, Bác Hồ nói : “Nam bộ là máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam”. “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một”. Vậy một đề tài nghiên cứu Thành phố Hồ Chí Minh hay Nam bộ, nếu là một công trình khoa học nghiêm túc, không chỉ để hiểu Thành phố Hồ Chí Minh hay Nam bộ, càng không thể chỉ vì Thành phố hay Nam bộ. Nó gắn với cả nước và vì lợi ích cả nước. Hơn nữa, muốn hiểu Thành phố Hồ Chí Minh – một trung tâm kinh tế xã hội cả vùng thì không thể không đặt Thành phố Hồ Chí Minh trong mối quan hệ với toàn vùng Nam bộ, cũng như không thể hiểu Nam bộ nếu không đặt nó trong mối quan hệ với cả nước.

## II. HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC XÃ HỘI Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VÀ VÙNG NAM BỘ ĐÒI HỎI PHÁT TRIỂN CAO HƠN, HIỆU QUẢ HƠN

Nam bộ là vùng tương đối phát triển hơn trên đất nước ta. Nhưng phát triển không có nghĩa chỉ bao hàm những thuận lợi. Nó còn phải đương đầu với nhiều khó khăn, thách thức. Có thể nói, nó là vùng “đầu sóng ngọn gió”. Thực dân Pháp đã chiếm Gia Định (1859), từ đó làm bàn đạp chiếm cả nước. Ngày 23/09/1945 Pháp lại gây hấn ở Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai. Mỹ đặt Sài Gòn làm thủ đô của chế độ thực dân mới. Rồi vụ “nạn kiều”, vụ xâm lăng biên giới phía Tây Nam sau năm 1975. Ngày nay, nhiều tệ nạn xã hội cũng tập trung cao ở thành phố này. Để phát huy những lợi thế tương đối và dự báo khả năng vượt qua những khó khăn thách thức phải cần tới khoa học xã hội, nó không chỉ giải thích xã hội mà còn cải tạo xã hội. Nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của khoa học xã hội ngày nay là nghiên cứu từ thực tiễn xây dựng những luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối của Đảng đổi mới toàn diện đất nước. Cũng qua điều tra nghiên cứu, khoa học xã hội cung cấp các căn cứ khoa học cho việc quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Khoa học xã hội nghiên cứu, khai thác những giá trị ưu tú của văn hóa văn minh Việt Nam, góp phần nâng cao lòng yêu nước trong nhân dân, nâng cao dân trí và đào tạo một nguồn nhân lực cho sự nghiệp phát triển.

Sau Thủ đô Hà Nội thì Thành phố Hồ Chí Minh là nơi tập trung đông lực lượng khoa học xã hội. Hoạt động khoa học xã hội ở vùng này rất phong phú.

Tuy nhiên, là một cán bộ khoa học xã hội, tôi vẫn cảm thấy khoa học xã hội ở thành phố này và các tỉnh Nam bộ còn “mỏng”. Mỏng không phải chỉ có nghĩa về số lượng.

Nó chưa tương xứng với nhu cầu của vùng đất này, một vùng đất như đã nói trên, rất “phì nhiêu” đối với khoa học xã hội, đang có một vai trò quan trọng trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhưng lại là vùng đất mà khoa học xã hội mới có điều kiện triển khai nghiên cứu từ sau 1975, tức là bề dày lịch sử của các tổ chức khoa học xã hội cùng với sự điều tra nghiên cứu từ thực tiễn Nam bộ chưa tích tụ được đầy đủ trong lực lượng và khoa học xã hội hiện có.

Mặt khác, sự chỉ đạo khoa học xã hội cũng chưa tạo nhiều cơ hội cho lực lượng khoa học xã hội vượt ra ngoài khuôn khổ nghiên cứu có tính chất “hàn lâm”, “tĩnh tại” để tiếp cận, nắm bắt, tổng kết được từ thực tiễn những vấn đề khoa học gắn chặt hơn với quốc kế dân sinh.

Một số lĩnh vực nghiên cứu cơ bản quan trọng cho sự nghiệp đổi mới còn chưa được triển khai đúng mức ở vùng này : Chính trị học, Dân số học và môi trường, Dân tộc và tôn giáo, Văn hóa và phát triển, con người và nguồn nhân lực có trình độ cao, điều tra dư luận xã hội.....

Cũng chưa hình thành được một đội ngũ chuyên gia giỏi về học thuật, có bản lĩnh chính trị cao, nhạy bén trước những vấn đề vừa cơ bản, vừa bức xúc của đất nước và thời đại để có thể kế cận các bậc học giả lão thành, đủ sức góp phần xây dựng những luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối và những quyết sách lớn của Đảng. Sự hụt hẫng trong đào tạo chuyên gia là có thật.

Tôi cũng có cảm nghĩ khoa học xã hội trong vùng này đã mỏng lại còn phân tán. Đó là sự kết hợp, phối hợp về khoa học còn lỏng lẻo giữa các cơ quan nghiên cứu khoa học kỹ xã hội với các trường đại học giảng dạy về khoa học xã hội, giữa các tổ chức khoa học xã hội với các cơ quan chức năng của thành phố và các địa phương có nhiệm vụ hoạch định các chủ trương, chính sách, các chương trình, dự án lớn về kinh tế xã hội. Phải chăng ta đã thiếu một cơ chế cho sự kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu và giảng dạy đại học về khoa học xã hội, để người nghiên cứu có thể tăng chất lượng công trình khoa học của họ trong sự hợp tác chặt chẽ với giảng viên và cả sinh viên khoa học xã hội, và cũng qua sự đó mà thầy giáo, người nghiên cứu và cả sinh viên khoa học xã hội cùng nghiên cứu khoa học, đồng thời tăng thêm chất lượng giảng dạy và học khoa học xã hội. Sau Đại Hội 8, các cơ quan cấp bộ của các tổ chức nghiên cứu và giảng dạy khoa học xã hội đang soạn thảo chiến lược của ngành từ nay đến 2010. Dù mô hình nào về tổ chức, chúng tôi mong có một cơ chế gắn bó chặt chẽ hơn giữa nghiên cứu và giảng dạy đại học khoa học xã hội. Phải chăng ta đã thiếu một quy chế để các cơ quan chức năng khi thiết kế chương trình, dự án kinh tế xã hội phải hội đủ những luận cứ về khoa học xã hội qua điều tra, nghiên cứu thực tiễn xã hội. Ở các nước phát triển điều này là rõ ràng. Và trên một số công trình lớn ở Nam bộ cũng đã bước đầu có thực hiện (quy hoạch tổng thể đồng bằng sông Cửu Long, dự

án phát triển vùng Nam Mang thít, Thủy điện Trị An, cầu Mỹ Thuận qua sông Tiền.... ). Nhưng tiếc rằng nó chưa trở thành nhu cầu bắt buộc đối với nhiều chương trình, dự án khác. Mong rằng khoa học xã hội được “ứng dụng” và trở thành “lực lượng sản xuất trực tiếp” trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của vùng này.

Có thể có nhiều biện pháp đưa ra để khoa học xã hội phát triển hơn, có hiệu quả hơn. Trong số những biện pháp đó, chúng tôi muốn nói lên niềm hy vọng về Hội đồng khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là cơ quan giúp lãnh đạo thành phố tập hợp đội ngũ trí thức khoa học xã hội, đưa đội ngũ này gắn bó vào thực tiễn của thành phố và vùng Nam bộ, qua đó đem chất xám của khoa học xã hội phục vụ thành phố và khu vực cũng như cả nước. Hệ thống đề tài nghiên cứu khoa học xã hội mà Hội đồng đặt ra chính là nhu cầu thực tiễn của thành phố và khu vực yêu cầu giới khoa học xã hội giải đáp. Một tổ chức thông tin khoa học mà Hội đồng có thể lập ra, không phải là thông tin tất cả mọi vấn đề về nghiệp vụ và tri thức đối với nghiên cứu giảng dạy khoa học xã hội, những cái đó các tổ chức làm khoa học xã hội chuyên nghiệp phải tự giải quyết, nhưng thông tin về những vấn đề chính trị cấp thiết, những biến đổi quan trọng về kinh tế - xã hội, về dân tộc, về tôn giáo, về đối ngoại là những nhu cầu không thể thiếu đối với người chuyên làm khoa học xã hội mà có thể họ không tìm thấy được trong các thư viện.

Tất nhiên, người làm khoa học xã hội tự bồi dưỡng kiến thức, phương pháp hiện đại, nâng cao sự giác ngộ chính trị và các tổ chức chuyên nghiên cứu và giảng dạy khoa học xã hội chủ động, tích cực hợp tác, giúp đỡ nhau, cuối cùng vẫn là biện pháp có ý nghĩa quyết định để phát triển có hiệu quả hơn khoa học xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh và khu vực này.

#### FURTHER MOTIVATION ON SOCIAL SCIENCES IN HO CHI MINH CITY AND IN THE SOUTH OF VIETNAM

Nguyen Cong Binh

**ABSTRACT:** Southern Vietnam is a fertile land for social sciences. In the development of our society, this land needs cultivating through a combination of social and natural sciences and technology (as it is proved in reality) Southern Vietnam with Ho Chi Minh City as its centre plays an important role in the process of our industrialization and modernization. A series of social sciences projects are feasible because of their relevance and practicality. These researches provide scientific data for planning and developing the socio-economic system in the region and in the whole country as well.

Southern Vietnam also offers favourable conditions to clarify the orientation policies on social sciences stated in the 2<sup>nd</sup> Politburo Decision (the 8<sup>th</sup> Session)

Second in rank to Hanoi, Ho Chi Minh City has a great number of social sciences researchers whose activities in this field are many and various.

However, their activities lack concentration and relatedness in the context of a promising land. Because of the lack of proper guidance, researchers are not given many chances to make a breakthrough out of their academic confinement. Some indispensable



fields of research haven't been explored fully, and it is true that we are suffering from the lack of human resources in terms of expert training, a strong network of research institutes and colleges of social sciences, and regulations by which local authorities are associated with social science organizations in making important socio-economic plans and projects.

In view of strategies for social science development, the writer places an emphasis on the role of HCMC Council of Social Science - an organization which enables social science researchers to apply themselves to the realities of local and national situations.

TÓM TẮT: Việt Nam có một nền khoa học xã hội và nhân văn đang phát triển chậm chạp và chưa có một hệ thống chuyên môn vững chắc. Tình hình này đòi hỏi phải có một đội ngũ chuyên gia và nhà nghiên cứu được đào tạo bài bản và có năng lực để đáp ứng nhu cầu xã hội và nhân văn. Đặc biệt, sau ngày Miền Nam giải phóng đã quyết định thành lập Viện Khoa Học Xã Hội tại Thành Phố Hồ Chí Minh, có quan nghiên cứu nhằm phục vụ các lĩnh vực kinh tế và xã hội.

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, về nghiên cứu cơ bản, khoa học xã hội và nhân văn có thể chia thành hai lĩnh vực: nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng. Vấn đề nghiên cứu cơ bản là nghiên cứu về những quy luật chung của tự nhiên, xã hội và con người, nhằm tìm kiếm những kiến thức mới, góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội.

Khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam đã từng tồn tại trong lịch sử và nó gắn liền với nền văn minh dân tộc hàng ngàn năm. Nền khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam đã sản sinh ra nhiều nhà văn hóa lớn với những công trình khoa học có giá trị cao và mang tính kinh điển như Nguyễn Trãi với *Dư địa chí*, Lê Quý Đôn với *Đại Việt sử ký* gồm 50 tập, Ngô Sĩ Liên với *Đại Việt sử ký toàn thư* gồm 15 tập, Lê Quý Đôn với *Văn Đãi Loại ngữ*, Phan Huy Chú với *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nguyễn Du với *Truyện Kiều*, Gia Định thành phòng chí của Trịnh Hoài Đức và "Lược Văn Tiên" với Nguyễn Đình Chiểu. Tiếp nối những nhà khoa học xã hội và nhân văn nói trên về sau này còn có các nhà khoa học nổi tiếng như Dương Quảng Hàm, Trần Huy Liệu, Nguyễn Khánh Toàn, Đặng Thai Mai, Trần Văn Giáp, Đào Duy Anh, Trần Văn Giáp, Hoàng Xuân Hãn, Trần Đức Thảo và nhiều học giả khác. Các nhà khoa học xã hội và nhân văn nói trên đã có những đóng góp quan trọng vào sự phát triển của nền khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam có một nền khoa học xã hội và nhân văn sáng chói từ lâu đời, nền khoa học xã hội và nhân văn ấy đã có một nội lực truyền thống trong lịch sử dân tộc.

Năm 1943, Bản Bộ Cương Văn hóa Việt Nam do đồng chí Trường Chinh soạn thảo đã thực hiện đường lối chung về phát triển nền văn hóa Việt Nam do Đảng ta lãnh đạo đã thực sự mở ra cho khoa học xã hội và nhân văn nước ta một giai đoạn phát triển mới. Tại Hội nghị Cán bộ Văn hóa của Đảng năm 1949, Hồ Chí Minh đã chỉ thị về việc cần thiết phải soạn lịch sử kháng chiến chống Pháp và sau đó vào ngày 3 tháng 12 năm 1953, Ban Chấp Hành Trung ương Đảng Lao Động Việt Nam đã ra quyết định thành lập Ban nghiên cứu lịch sử địa lý, Văn học (QB 34/NMTW) gọi tắt là Ban Văn Sử Địa. Nó là tiền thân của các tổ chức khoa học xã hội và nhân văn ở nước ta hiện nay. Trước nhất nó là tổ chức tiền thân của các Viện, các khoa thuộc về khoa học xã hội và nhân văn của trung tâm KHXHNVQG và Đại Học Quốc Gia Hà Nội ngày nay. Sau năm 1975, do sự chỉ đạo của